Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7020.00.19

Mã HS	7020.00.19
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm khác bằng thủy tinh / - Khuôn bằng thủy tinh: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 12:39:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70200019/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10593
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10593
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10593
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10085
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10036
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10036
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10036
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10036
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10036
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10036
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10088
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10088

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10088
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10088
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10088
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10088
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10089
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10089
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10089
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10089
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10089
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10089
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10090
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10042
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10048
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10048
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10048
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10048
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10048
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10048
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10073
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10073
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10073
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10073
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10073
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10073
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10126
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10126

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10126
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10126
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10126
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10126
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10111
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10111
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10111
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10111
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10111
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10111
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10111
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10111
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10111
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10111
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10111
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10111
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10128
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10128
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10128
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10128
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10128
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10128
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10127
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10127
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10127
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10127

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10127
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10127
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10068
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10068
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10068
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10068
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10068
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10068
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10068
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10105
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10105
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10105
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10105
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10105
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10105
RCEP B	2022	2022	0	B!D10105
RCEP B	2023	2023	0	B!E10105
RCEP B	2024	2024	0	B!F10105
RCEP B	2025	2025	0	B!G10105
RCEP B	2026	2026	0	B!H10105
RCEP B	2027	2027	0	B!I10105
RCEP C	2022	2022	0	C!D10105
RCEP C	2023	2023	0	C!E10105
RCEP C	2024	2024	0	C!F10105
RCEP C	2025	2025	0	C!G10105
RCEP C	2026	2026	0	C!H10105

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10105
RCEP D	2022	2022	0	D!D10104
RCEP D	2023	2023	0	D!E10104
RCEP D	2024	2024	0	D!F10104
RCEP D	2025	2025	0	D!G10104
RCEP D	2026	2026	0	D!H10104
RCEP D	2027	2027	0	D!I10104
RCEP E	2022	2022	0	E!D10108
RCEP E	2023	2023	0	E!E10108
RCEP E	2024	2024	0	E!F10108
RCEP E	2025	2025	0	E!G10108
RCEP E	2026	2026	0	E!H10108
RCEP E	2027	2027	0	E!I10108
RCEP F	2022	2022	0	F!D10105
RCEP F	2023	2023	0	F!E10105
RCEP F	2024	2024	0	F!F10105
RCEP F	2025	2025	0	F!G10105
RCEP F	2026	2026	0	F!H10105
RCEP F	2027	2027	0	F!I10105
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9346
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9346
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9346
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9346

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7020.00 có 6 dòng thuế; dòng 7020.00.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7020.00.11 Loại dùng để sản xuất các sản phẩm acrylic(SEN); 7020.00.20 Ống thạch anh dùng trong lò phản ứng và vòng kẹp được thiết kế để chèn vào lò luyện khuếch tán và lò ôxi hóa để sản xuất tấm bán dẫn mỏng; 7020.00.30 Ruột phích hoặc ruột bình chân không khác; 7020.00.40 Ống chân không sử dụng trong bình nước nóng năng lượng mặt trời; 7020.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7020.00.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7020.00.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10593), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.